

Bản án số 84/2017/HSST
Ngày 13 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

Thư ký Toà án ghi B bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Xuân Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 13/6/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2017/HSST-QĐ ngày 28/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TÔ VĂN B**, sinh năm 1970;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Họ tên bố: Tô Văn S (đã chết);
- Họ tên mẹ: Đào Thị T (tức Đào Thị K) (đã chết);
- Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị can là con thứ sáu;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Nhân thân:

+ Tại bản án số 16/HSST ngày 18/10/1986, Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội cướp tài sản riêng của công dân;

+ Tại bản án số 25/HSST ngày 14/10/1993, Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản của công dân;

+ Tại bản án số 713/HSPT ngày 17/5/1996, Tòa phúc thẩm- Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân;

+ Tại bản án số 228/HSST ngày 13/11/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội cưỡng đoạt tài sản;

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* **Người bị hại:** Chị Trương Thị H, Sinh năm 1979, trú tại: Tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1974, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* **Người làm chứng:** Chị Bùi Thị N, Sinh năm 1988, trú tại: Số nhà A, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/4/2017, TÔ VĂN B, sinh năm 1970, trú tại Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi xe mô tô biển kiểm soát 47H8-4296 từ nhà xuống thành phố B để thăm người thân. Khi đến đoạn đường L thuộc địa bàn phường D, thành phố B thì B thấy đầu đầu nên rẽ vào cửa hàng thuốc 79 ở số 635 đường L, phường D, thành phố B để mua thuốc. Khi vào quầy thuốc, thấy không có ai bán hàng, B gọi mấy lần nhưng không có ai trả lời. Lúc này, B nhìn thấy phía bên trong quầy thuốc có chiếc bàn gỗ, ngăn kéo bàn đóng hờ. Thấy vậy, B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B đi vào trong quầy bán thuốc đến vị trí chiếc bàn gỗ, kéo ngăn kéo ra thì thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. B dùng tay phải vơ một nắm tiền đi ra ngoài. Đúng lúc này, chị Trương Thị H sinh năm 1979 trú tại Tổ dân phố N, phường X, thành phố B là chủ cửa hàng thuốc đi từ bên ngoài vào phát hiện hô hoán. B thả số tiền vừa trộm cắp được xuống nền nhà rồi bỏ chạy nhưng bị chị H cùng người dân bắt giữ. Sau đó, Tổ công tác Công an phường D, thành phố B đã đến hiện trường, lập B bắt quả tang đối với TÔ VĂN B. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm: Số tiền 2.459.000 đồng thu tại nền nhà quầy thuốc. Lực lượng công an còn tạm giữ của TÔ VĂN B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đồng, số imel: 352700/151271/8; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu trắng, số imel: 869039026344034 và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H8- 4296.

Cơ quan điều tra đã kiểm tra số tiền 2.459.000 đồng đã thu giữ khi bắt quả tang TÔ VĂN B, kết quả bao gồm các loại tiền mệnh giá như sau:

- 119 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng = 119.000 đồng;

- 25 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng = 50.000 đồng;
- 08 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng = 40.000 đồng;
- 66 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng = 660.000 đồng;
- 22 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng = 440.000 đồng;
- 07 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng = 350.000 đồng;
- 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng = 300.000 đồng;
- 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng = 500.000 đồng.

Quá trình điều tra, TÔ VĂN B đã khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 09/5/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Trương Thị H số tiền 2.459.000 đồng, chị H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H8- 4296, qua điều tra đã xác định được là do B mượn của chị Đào Thị T sinh năm 1974 trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (chị T là bạn ngoài xã hội với B). Cơ quan điều tra đã tra cứu, ủy thác điều tra, kết quả đã xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị T. Ngày 23/5/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H8-4296 cho chị T. Những vật chứng khác đã được nhập kho vật chứng Công an thành phố B.

Bản Cáo trạng số 85/KSĐT ngày 13/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo TÔ VĂN B về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/4/2017, tại cửa hàng thuốc 79 ở số 635 đường L, phường D, thành phố B, TÔ VĂN B có hành vi trộm cắp số tiền 2.459.000 đồng của chị Trương Thị H sinh năm 1979 trú tại Tổ dân phố N, phường X, thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo TÔ VĂN B từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2017.

Về vật chứng: Đề nghị điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Trả lại cho bị cáo B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đồng, số imel: 352700/151271/8; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu trắng, số imel: 869039026344034 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, B bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/4/2017, tại cửa hàng thuốc 79 ở số 635 đường L, phường D, thành phố B, TÔ VĂN B có hành vi trộm cắp số tiền 2.459.000 đồng của chị Trương Thị H sinh năm 1979 trú tại Tổ dân phố N, phường X, thành phố B.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sở hữu của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân, gây mất trật tự tại địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự an ninh tại địa phương, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy:

+ Tại bản án số 16/HSST ngày 18/10/1986, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội cướp tài sản riêng của công dân;

+ Tại bản án số 25/HSST ngày 14/10/1993, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản của công dân;

+ Tại bản án số 713/HSPT ngày 17/5/1996, Tòa phúc thẩm- Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân;

+ Tại bản án số 228/HSST ngày 13/11/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội cưỡng đoạt tài sản;

Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trương Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt và có lời khai: Chị đã nhận được toàn bộ tài sản do bị cáo B trộm cắp nên chị không có yêu cầu gì về tài sản. Do người bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đồng, số imel: 352700/151271/8; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu trắng, số imel: 869039026344034 đã qua sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo TÔ VĂN B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Điều 33 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo TÔ VĂN B 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đồng, số imel: 352700/151271/8; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu trắng, số imel: 869039026344034 đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số 74/KSĐT ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo TÔ VĂN B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường